TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 5 - 2019
Về việc "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Gẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Trần Quốc Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Em, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc *"Ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 4A, xã AT, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 2, phường 5, thành phố TV, tỉnh TV.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Em Nguyễn Thị T, sinh 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Nơi cư trú: Khóm 2, phường 5, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Vào năm 1999 ông và bà Ngô Thị H sống chung với nhau như vợ như chồng, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu hai người sống chung hạnh phúc, có 01 người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/4/1995 đã trưởng thành, không bị nhược

về tâm thần, thể chất. Đến năm 2011 thì ông C và bà H phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau nên ông C và bà H ly thân cho đến nay.

Nay, ông Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị H. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung đúng như ông C trình bày. Nay, ông C yêu cầu ly hôn thì bà H đồng ý. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Em Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 18/3/2019: Em là con chung của ông C, bà H, nay ông C và bà H ly hôn em T không có ý kiến gì cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện tốt các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H là vợ chồng. Con chung đã trưởng thành không xem xét; tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét. Anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn C yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị H nên quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn*", căn cứ vào khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Ngô Thị H là bị đơn có nơi cư trú khóm 2, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị H sống với nhau như vợ như chồng từ năm 1999 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, ông C và bà H có với nhau một người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/4/2005 (không bị nhược điểm về tâm thần, thể chất) đã trưởng thành. Đến năm 2011 thì ông C và bà H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không còn yêu thương nhau như trước, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C và bà H

đã ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau.

Xét thấy, khi sống với nhau ông C và bà H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nhưng ông C, bà H không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, là vi phạm Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị H không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông C yêu cầu được ly hôn với bà H là không thể chấp nhận được, nên cần tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị H là vợ chồng như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Em Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/4/2005 không bị nhược điểm về tâm thần, thể chất (đã trưởng thành); ông C và bà H cũng như em Nguyễn Thị T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà H khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không công nhận ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành, ông C và H, em T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001003 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Em Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi em T cư trú.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND P4 và P5;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Lê Thị Gẫm